

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phòng chống
suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành TW khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025” với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và tình trạng thiếu năng lượng trường diễn của phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống dưới 28% đến năm 2025;

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm xuống dưới 5% đến năm 2025;

+ Giảm tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ thiếu năng lượng trường diễn xuống dưới 10% đến năm 2025;

- Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng Vitamin A huyết thanh thấp xuống dưới 13% vào năm 2025; Giảm tỷ lệ Vitamin A trong sữa mẹ thấp ở phụ nữ cho con bú xuống dưới 20% vào năm 2025;

+ Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 20% vào năm 2025. Giảm tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ mang thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ lần lượt xuống dưới 30% và 20% vào năm 2025;

+ Giảm tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai lần lượt xuống dưới 60% và dưới 70% vào năm 2025;

+ Trên 80% phụ nữ có thai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh.

- Mục tiêu 3: Cải thiện số lượng và chất lượng bữa ăn của trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Tăng tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025;

+ Tăng tỷ lệ trẻ 6 - 23 tháng được ăn bổ sung đúng, đủ lên 50% vào năm 2025;

+ Tăng tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ ăn đa dạng các loại thực phẩm lên 90%;

+ Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm xuống dưới 25%;

+ Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có iod hằng ngày duy trì ở mức trên 90%.

- Mục tiêu 4: Tăng cường khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 2 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Trên 65% phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ.

+ Trên 85% phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế.

+ Trên 80% phụ nữ đẻ được người đỡ đẻ có kỹ năng hỗ trợ.

+ 90 % phụ nữ có thai được cung cấp kiến thức, kỹ năng về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ trong 1000 ngày đầu đời.

+ 90% bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ được cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.

- Mục tiêu 5: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Bảo đảm 90% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến tỉnh được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng tối thiểu 1 tháng cho đến năm 2025;

+ Bảo đảm 90% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và y tế thôn bản được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em;

+ Bảo đảm 100% số tỉnh thực hiện giám sát dinh dưỡng theo quy định; 100% tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng do thiên tai, thảm họa được đánh giá và can thiệp kịp thời.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CAN THIỆP:

1. Phạm vi: Kế hoạch được triển khai tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đối tượng can thiệp: Trẻ em dưới 5 tuổi (ưu tiên trẻ em dưới 2 tuổi), phụ nữ tuổi sinh đẻ (chú trọng phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

III. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Giải pháp về quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành

a) Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật về dinh dưỡng và thực phẩm

- Quán triệt, triển khai thực hiện Luật trẻ em; Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo; Nghị định 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ;

- Nghiên cứu, đề xuất, bổ sung chính sách về bảo hiểm y tế để chi trả dịch vụ tư vấn và điều trị phục hồi cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng; chính sách về dinh dưỡng cho trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo, bệnh chuyển hóa do di truyền và bệnh hiếm; chính sách huy động nguồn lực của ngân sách để thực hiện Kế hoạch;

- Đề xuất, bổ sung các chính sách hỗ trợ, bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cho vùng nghèo vùng thường xuyên bị thiên tai; chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là cho phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b) Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và các địa phương.

c) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng. Có chính sách, giải pháp huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch.

2. Giải pháp về truyền thông và vận động xã hội:

a) Sử dụng mạng lưới truyền thông từ trung ương đến địa phương để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng;

b) Nghiên cứu xây dựng và cung cấp các tài liệu, chương trình truyền thông, tư vấn về sức khỏe và dinh dưỡng phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng đặc thù là người dân tộc thiểu số, chú trọng nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý của phụ nữ, trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên;

c) Tăng cường truyền thông trực tiếp đến các đối tượng, vùng miền có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cao như vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nông dân nghèo và cận nghèo. Nhân rộng các mô hình truyền thông trực tiếp có hiệu quả như phòng tư vấn nuôi dưỡng trẻ nhỏ, nhóm hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ nhỏ, câu lạc bộ dinh dưỡng, thăm hộ gia đình, nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;

d) Vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và cung ứng thực phẩm an toàn có tính chất đặc thù vùng/miền, dân tộc.

3. Giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

a) Tập trung chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời, bao gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung đầy đủ, cân đối cho trẻ dưới 2 tuổi; thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ; đảm bảo nước sạch, vệ sinh cá nhân (bao gồm rửa tay thường xuyên với xà phòng) và vệ sinh môi trường.

b) Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao:

- Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em và bà mẹ sau sinh; bột đa vi chất cho trẻ em; viên sắt/đa vi chất cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và cho con bú; kẽm cho trẻ tiêu chảy;

- Thực hiện quản lý và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em; hỗ trợ dinh dưỡng cho các đối tượng có nguy cơ, vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh;

- Thực hiện tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chương trình, dự án và các giải pháp can thiệp đặc hiệu góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực của người dân khu vực miền núi, vùng nghèo, khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Triển khai các hoạt động dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em tại trường mầm non:

- Giáo dục, truyền thông, tư vấn thay đổi hành vi cho trẻ và cha mẹ trẻ về nhu cầu dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực;

- Hướng dẫn, tổ chức bữa ăn cho trẻ bảo đảm dinh dưỡng hợp lý tại các trường mầm non bán trú;

- Hướng dẫn tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ;

- Theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ, duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

đ) Cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân:

- Xây dựng các kế hoạch và hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, đặc biệt ở những địa bàn dễ bị ảnh hưởng; thúc đẩy mô hình sản xuất để tạo nguồn thực phẩm sẵn có, đảm bảo chất lượng cho bữa ăn tại hộ gia đình;

- Xây dựng và phổ biến các hướng dẫn cho người dân về chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý.

e) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng.

g) Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, hoàn thiện bộ công cụ và các chỉ số giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và triển khai Kế hoạch; tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

k) Theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức các điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện của Kế hoạch.

4. Giải pháp về nguồn lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách và y tế thôn bản ở tuyến cơ sở;

- Nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý điều hành các chương trình, hoạt động dinh dưỡng cho cán bộ ở các cấp từ trung ương đến địa phương và các Bộ, ngành liên quan. Huy động sự tham gia của cộng tác viên công tác xã hội thuộc các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp;

- Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu, dinh dưỡng và hoạt động thể lực, tư vấn dinh dưỡng và các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật liên quan khác và tài liệu truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong trường mầm non;

- Cung cấp và duy trì đầy đủ các vật tư, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo triển khai các can thiệp dinh dưỡng tại tuyến cơ sở;

- Tăng cường vận động, bố trí ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), các tổ chức quốc tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hợp tác quốc tế để triển khai các phong trào và sáng kiến dinh dưỡng toàn cầu tại Việt Nam; hợp tác hiệu quả với các tổ chức Liên Hiệp quốc, các quốc gia và các tổ chức quốc tế;

b) Chủ động tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường tiên tiến trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo để nhanh

chóng tiếp cận các chuẩn mực khoa học và công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực dinh dưỡng;

c) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ về chọn, tạo giống mới có hàm lượng các chất dinh dưỡng thích hợp; nghiên cứu sản xuất và chế biến các thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng và dinh dưỡng đặc hiệu phù hợp với các đối tượng để cải thiện phát triển thể chất, trí tuệ, nâng cao sức khỏe và phòng bệnh;

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và cung cấp thông tin về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em: Chịu trách nhiệm làm đầu mối, phối hợp với Viện Dinh dưỡng, các Vụ/Cục/Đơn vị liên quan của Bộ Y tế hướng dẫn, tổ chức triển khai, theo dõi, điều phối các hoạt động của kế hoạch;

2. Viện Dinh dưỡng: Đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật triển khai, Tổ chức và tham gia hoạt động đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng và thực phẩm và dinh dưỡng tiết chế tại các tuyến; Theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai Kế hoạch đến năm 2025 từ đó đề xuất giai đoạn tiếp theo;

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính: Chịu trách nhiệm huy động và điều phối các nguồn lực của Chính phủ và các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch;

4. Vụ Tổ chức - Cán bộ: Chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương kiện toàn tổ chức mạng lưới dinh dưỡng, hoàn thiện và bổ sung chính sách nhằm tăng cường công tác đào tạo và tuyển dụng cán bộ làm công tác dinh dưỡng tại các cơ sở điều trị và cộng đồng;

5. Cục Y tế dự phòng: hướng dẫn tổ chức thực hiện việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng cộng đồng; xây dựng và đưa ra khuyến nghị về nhu cầu dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng và cơ cấu bữa ăn hợp lý;

6. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh: Chịu trách nhiệm về chuyên môn, kỹ thuật, nội dung hoạt động dinh dưỡng trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh;

7. Cục An toàn thực phẩm: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các văn bản, chính sách, qui định về sản phẩm dinh dưỡng, nhãn ghi các thông tin dinh dưỡng;

8. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo: Chịu trách nhiệm rà soát, bổ sung, thẩm định các chương trình tài liệu đào tạo mới và đào tạo liên tục về lĩnh vực dinh dưỡng;

9. Cục Quản lý môi trường y tế: Hướng dẫn, tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến nước sạch, vệ sinh, rửa tay bằng xà phòng để giảm thiểu yếu tố nguy cơ suy dinh dưỡng;

10. Vụ Truyền thông và Thi đua, khen thưởng: Phối hợp với Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em xây dựng kế hoạch truyền thông về dinh dưỡng; chủ trì và phối hợp với Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em tổ chức cung cấp thông tin định hướng dư luận, nâng cao ý thức và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện;

11. Các Viện khu vực được Bộ Y tế giao nhiệm vụ hỗ trợ chuyên môn về dinh dưỡng: Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng;

12. Sở Y tế các tỉnh miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Căn cứ vào thực trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, nhu cầu cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân, mạng lưới cán bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em xây dựng kế hoạch hành động trình Ủy ban nhân dân/Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt. Huy động mọi nguồn lực, triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương. Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Thủ trưởng Y tế các ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (để chỉ đạo);
- Y tế các Bộ, Ngành;
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Lưu: VT, BM-TE.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn